

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 9/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	G.TÍNH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	171132003	Hồ Thị Dung	C17TCD	12/04/1989	Quảng Nam	Nữ	6.1	Sáu Phẩy Một	
2	171132005	Trần Văn Hải	C17TCD	19/01/1991	Quảng Nam	Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba	
3	171133032	Phan Ngọc Hằng	C17TCD	01/01/1988	Quảng Nam	Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
4	171132010	Phan Nhật Hoàng	C17TCD	02/10/1991	Đà Nẵng	Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
5	171132011	Đinh Kim Huy	C17TCD	30/05/1988		Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
6	171132012	Lê Thị Thúy Kiều	C17TCD	02/01/1985	Quảng Nam	Nữ	6.3	Sáu Phẩy Ba	
7	171132013	Nguyễn Hồng Lê	C17TCD	08/01/1986	Đà Nẵng	Nam	5.6	Năm Phẩy Sáu	
8	171132018	Võ Nguyên Phúc	C17TCD	21/02/1988	Quảng Nam	Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
9	171132001	Nguyễn Mạnh Cường	C17TCD	20/05/1990	Quảng Bình	Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
10	171132027	Phạm Ngọc Trang	C17TCD	02/05/1987	Quảng Ngãi	Nam	2.8	Hai Phẩy Tám	
11	161132332	Nguyễn Phùng Nhật Khánh	C16TCDB	13/08/1990	Quảng Nam	Nam	5.8	Năm Phẩy Tám	
12	161132331	Trần Mạnh Hùng	C16TCDB	13/12/1983	Đà Nẵng	Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba	

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2013
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTT

ThS. Nguyễn Ân

Thời Gian: 13h00 - 09/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP	
							SỐ	CHỮ
1	171442153	Nguyễn Thị Thùy	Dương	C17DCD	06/05/1990	Đà Nẵng	7.9	Bảy Phẩy Chín
2	171442154	Từ Thị Minh	Dương	C17DCD	02/02/1990	Quảng Ngãi	7.5	Bảy Phẩy Năm
3	171442155	Lương Thị Cẩm	Giang	C17DCD	24/02/1987	Quảng Nam	8.2	Tám Phẩy Hai
4	171442157	Huỳnh Minh	Hạnh	C17DCD	06/05/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy Phẩy Tám
5	171442158	Dư Mai Thùy	Hậu	C17DCD	13/04/1991	Quảng Nam	5.0	Năm
6	171442160	Nguyễn Thị Nhật	Hồng	C17DCD	24/10/1991	Quảng Ngãi	8.2	Tám Phẩy Hai
7	171442162	Hồ Văn Bách	Khoa	C17DCD	27/01/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba
8	171442163	Nguyễn Ngọc	Khôi	C17DCD	30/11/1988	Đà Nẵng	3.3	Ba Phẩy Ba
9	171442164	Nguyễn Hải	Lam	C17DCD	13/09/1988	Thanh Hóa	6.9	Sáu Phẩy Chín
10	171442165	Lê Thị Bảo	Linh	C17DCD	18/03/1990	Đà Nẵng	7.7	Bảy Phẩy Bảy
11	171442168	Trần Vũ Thùy	Linh	C17DCD	02/06/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy Phẩy Tám
12	171442169	Võ Bảo	Lộc	C17DCD	25/02/1990	Bình Định	7.1	Bảy Phẩy Một
13	171442170	Lê Thị Mỹ	Lợi	C17DCD	01/10/1989	Quảng Nam	6.1	Sáu Phẩy Một
14	171442171	Trần Thị Thu	Ly	C17DCD	29/07/1990	Đà Nẵng	7.9	Bảy Phẩy Chín
15	171442173	Trần Thị Ngọc	My	C17DCD	28/10/1987	Đà Nẵng	8.0	Tám
16	171442177	Bùi Thị Phước	Ngân	C17DCD	16/04/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám Phẩy Năm
17	171442180	Trần Thị Minh	Nguyệt	C17DCD	24/06/1990	Đà Nẵng	7.7	Bảy Phẩy Bảy
18	171442181	Trương Phạm Hạ	Nhi	C17DCD	24/08/1991	Quảng Nam	7.2	Bảy Phẩy Hai
19	171442182	Đặng Thị	Nhung	C17DCD	16/10/1991	Bình Định	8.4	Tám Phẩy Bốn
20	171442183	Lê Mai	Nở	C17DCD	10/12/1989	Quảng Nam	6.9	Sáu Phẩy Chín
21	171442206	Phan Hồng	Phong	C17DCD	23/03/1991	Đà Nẵng	5.7	Năm Phẩy Bảy
22	171442186	Lê Thị Việt	Quốc	C17DCD	06/01/1990	Quảng Nam	8.4	Tám Phẩy Bốn
23	171442188	Nguyễn Tài	Sáng	C17DCD	21/05/1989	Đà Nẵng	8.6	Tám Phẩy Sáu
24	171442189	Đoàn Ngọc	Tâm	C17DCD	27/05/1991	Quảng Nam	8.2	Tám Phẩy Hai
25	171442193	Lý Phúc	Thọ	C17DCD	02/10/1989	Đà Nẵng	8.6	Tám Phẩy Sáu
26	171442194	Trần Thị Thanh	Thúy	C17DCD	05/06/1990	Quảng Ngãi	8.9	Tám Phẩy Chín
27	171442195	Nguyễn Phùng Diệp Thiên	Tiên	C17DCD	22/04/1990	Đà Nẵng	7.0	Bảy
28	171442196	Lê Văn	Tĩnh	C17DCD	02/07/1987	Đà Nẵng	6.8	Sáu Phẩy Tám
29	171442198	Huỳnh Thị Bích	Trinh	C17DCD	28/01/1984	Đà Nẵng	6.8	Sáu Phẩy Tám
30	171442201	Trương Nguyễn Thủy	Tùng	C17DCD	24/10/1987	Đà Nẵng	7.0	Bảy
31	171442156	Lê Thị Thu	Hằng	C17DCD	14/08/1988	Đà Nẵng	6.9	Sáu Phẩy Chín
32	171442175	Tổng Thị Thúy	Nga	C17DCD	10/07/1991	Quảng Nam	7.9	Bảy Phẩy Chín
33	171442197	Đặng Công	Tịnh	C17DCD	08/03/1983	Đà Nẵng	6.0	Sáu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP * ĐỢT THÁNG 3/2013
CHUYÊN NGÀNH : CAO ĐẲNG DU LỊCH
MÔN THI : KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Thời Gian: 13h00 - 09/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP	
							SỐ	CHỮ
34	171442199	Phạm Thị Kiều	Trinh	C17DCD	27/09/1991	Bình Định	8.1	Tám Phẩy Một
35	161441257	Lê Thị Thùy	Dung	C16DCD	06/08/1990	Quảng Nam	6.7	Sáu Phẩy Bảy
36	161442349	Ung Hoàng	Anh	C16DCDB	25/12/1990	Gia Lai	7.6	Bảy Phẩy Sáu

Đã, ngày 14 tháng 03 năm 2013

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

ThS. Nguyễn Ân

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 9/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	171322250	Nguyễn Thế Anh	C17KCD	08/12/1985	Đà Nẵng	5.5	Năm Phẩy Năm	
2	171322251	Nguyễn Thị Vân Anh	C17KCD	23/05/1991	Đà Nẵng	6.9	Sáu Phẩy Chín	
3	171322252	Nguyễn Đức Anh	C17KCD	03/07/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám Phẩy Tám	
4	171322253	Trần Phước Anh	C17KCD	08/11/1990	Đà Nẵng	5.8	Năm Phẩy Tám	
5	171322257	Đào Trung Công	C17KCD	02/05/1991	Đà Nẵng	7.1	Bảy Phẩy Một	
6	171322259	Phạm Đình Hồng Diễm	C17KCD	12/01/1991	Quảng Ngãi	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
7	171322263	Phạm Thị Thùy Dương	C17KCD	21/09/1990	Quảng Nam	3.5	Ba Phẩy Năm	
8	171322271	Nguyễn Mậu Hào	C17KCD	22/01/1991	Quảng Nam	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
9	171322267	Hà Thị Mỹ Hằng	C17KCD	14/05/1991	Quảng Bình	3.9	Ba Phẩy Chín	
10	171322269	Trần Thị Thúy Hằng	C17KCD	08/07/1990	Đà Nẵng	6.0	Sáu	
11	171322273	Mai Thị Thanh Hiền	C17KCD	16/08/1989	Đà Nẵng	8.3	Tám Phẩy Ba	
12	171322274	Nguyễn Thị Dịu Hiền	C17KCD	25/07/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy Phẩy Tám	
13	171322276	Bùi Thị Hiên	C17KCD	20/06/1990	Đà Nẵng	6.9	Sáu Phẩy Chín	
14	171322280	Đinh Thị Thu Hóa	C17KCD	07/03/1991	Quảng Bình	4.5	Bốn Phẩy Năm	
15	171322281	Nguyễn Đức Hoàng	C17KCD	15/03/1990		2.9	Hai Phẩy Chín	
16	171322282	Mai Tuyết Hồng	C17KCD	23/04/1991	Đà Nẵng	4.0	Bốn	
17	171322284	Nguyễn Văn Hùng	C17KCD	25/10/1987	Nghệ An	4.1	Bốn Phẩy Một	
18	171322286	Dương Quang Huy	C17KCD	15/08/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm Phẩy Năm	
19	171322287	Bùi Trọng Kim Chí Huyền	C17KCD	04/09/1990		6.9	Sáu Phẩy Chín	
20	171322288	Lê Thị Thanh Huyền	C17KCD	14/04/1991	Đà Nẵng	6.9	Sáu Phẩy Chín	
21	171322285	Nguyễn Thị Thùy Hương	C17KCD	26/01/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu Phẩy Tám	
22	171322290	Thái Thị Vân Kiều	C17KCD	28/02/1990	Bình Định	6.5	Sáu Phẩy Năm	
23	171322291	Trần Thị Cẩm Liên	C17KCD	28/04/1991	Quảng Trị	6.5	Sáu Phẩy Năm	
24	171322292	Ông Thị Hoàng Liễu	C17KCD	20/07/1990	Đà Nẵng	7.1	Bảy Phẩy Một	
25	171322294	Hoàng Diệu Linh	C17KCD	15/01/1992	Hà Nội	8.0	Tám	
26	171322296	Võ Thị Thùy Linh	C17KCD	17/05/1991	Gia Lai	V	Vắng	
27	171322299	Mai Thị Cẩm Ly	C17KCD	26/04/1989	Bình Định	8.3	Tám Phẩy Ba	
28	171322301	Đặng Thị Trà My	C17KCD	16/03/1990	Đà Nẵng	6.0	Sáu	
29	171322302	Dương Thị My	C17KCD	02/02/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám Phẩy Một	
30	171322313	Thái Hàn Ni	C17KCD	13/04/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu Phẩy Ba	
31	171322304	Đặng Thị Nga	C17KCD	18/07/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám Phẩy Năm	
32	171322307	Trần Thị Bích Ngọc	C17KCD	04/03/1990	Đà Nẵng	7.0	Bảy	
33	171322310	Vũ Thị Nguyệt	C17KCD	07/12/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy Phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 9/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
34	171322311	Nguyễn Nha	Nhi	C17KCD	25/04/1991	Đà Nẵng	7.9	Bảy Phẩy Chín	
35	171322314	Châu Hoàng	Phận	C17KCD	26/02/1991	Quảng Ngãi	8.8	Tám Phẩy Tám	
36	161321141	Phạm Văn	Phúc	C16KCD	20/12/1986	Đà Nẵng	7.5	Bảy Phẩy Năm	
37	171322317	Trương Thị Minh	Phụng	C17KCD	05/12/1990	Daklak	8.3	Tám Phẩy Ba	
38	171322318	Nguyễn Thị Mai	Phương	C17KCD	11/06/1991	Quảng Bình	7.0	Bảy	
39	171322319	Phạm Thị Mỹ	Phương	C17KCD	03/02/1991	Daklak	7.8	Bảy Phẩy Tám	
40	171322320	Võ Thúy	Phương	C17KCD	14/08/1991	Quảng Nam	6.0	Sáu	
41	171322322	Trương Thị Hồng	Phượng	C17KCD	04/02/1989	Đà Nẵng	7.9	Bảy Phẩy Chín	
42	171322325	Phạm Như	Quỳnh	C17KCD	10/08/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy Phẩy Năm	
43	171322326	Phan Quang	Tài	C17KCD	01/08/1981	Quảng Nam	7.3	Bảy Phẩy Ba	
44	171322328	Võ Thị	Tâm	C17KCD	21/04/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
45	171322329	Hà Bảo	Tân	C17KCD	25/09/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám Phẩy Ba	
46	171322346	Nguyễn Thị	Tín	C17KCD	06/01/1991	Bình Định	7.9	Bảy Phẩy Chín	
47	171322347	Phạm Đình	Toàn	C17KCD	22/12/1990	Quảng Nam	6.8	Sáu Phẩy Tám	
48	171322348	Trần Đức	Toàn	C17KCD	05/02/1991	Quảng Nam	8.8	Tám Phẩy Tám	
49	171322358	Lê Thanh	Tùng	C17KCD	10/05/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy Phẩy Năm	
50	171322360	Kiều Thị Thanh	Tuyền	C17KCD	10/12/1991	Quảng Nam	7.1	Bảy Phẩy Một	
51	171322361	Nguyễn Ánh	Tuyết	C17KCD	31/12/1991	Quảng Bình	5.8	Năm Phẩy Tám	
52	171322362	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	C17KCD	23/03/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu Phẩy Tám	
53	171322363	Võ Thị Kim	Tuyết	C17KCD	14/01/1990	Gia Lai	6.8	Sáu Phẩy Tám	
54	171322357	Phạm Thị	Tứ	C17KCD	10/10/1989	Bình Định	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
55	171322331	Hồ Công	Thành	C17KCD	25/09/1987	Gia Lai	6.5	Sáu Phẩy Năm	
56	171322332	Phan Ngọc	Thành	C17KCD	07/08/1991	Quảng Bình	6.5	Sáu Phẩy Năm	
57	171322333	Đỗ Xuân	Thảo	C17KCD	06/07/1990	Quảng Nam	5.5	Năm Phẩy Năm	
58	171322335	Nguyễn Trần Phương	Thảo	C17KCD	01/08/1991	Gia Lai	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
59	171322330	Phạm Thị Hồng	Thắm	C17KCD	28/05/1990	Quảng Bình	5.1	Năm Phẩy Một	
60	171322337	Ngô Lê Quốc	Thịnh	C17KCD	07/07/1990	Đà Nẵng	8.0	Tám	
61	171322338	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	C17KCD	19/07/1990	Đà Nẵng	8.0	Tám	
62	171322340	Lê Hoài Hà	Thu	C17KCD	23/11/1988	Đà Nẵng	8.8	Tám Phẩy Tám	
63	171322345	Nguyễn Thị	Thủy	C17KCD	20/06/1990	Hà Tĩnh	6.5	Sáu Phẩy Năm	
64	171322343	Lê Thị Thanh	Thúy	C17KCD	03/04/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám Phẩy Ba	
65	171322344	Phạm Thị	Thúy	C17KCD	10/02/1991	Quảng Trị	6.9	Sáu Phẩy Chín	
66	171322341	Huỳnh Ngọc Khánh	Thư	C17KCD	14/10/1991	Đà Nẵng	8.1	Tám Phẩy Một	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 9/3/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
67	171322349	Nguyễn Thị Trang	C17KCD	25/05/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu Phẩy Năm	
68	171322350	Trần Thị Quỳnh Trang	C17KCD	10/12/1990	Quảng Bình	6.9	Sáu Phẩy Chín	
69	171322351	Trương Thị Huyền Trang	C17KCD	26/11/1991	Quảng Bình	7.8	Bảy Phẩy Tám	
70	171322352	Trương Thị Ánh Trang	C17KCD	01/06/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy Phẩy Năm	
71	171322353	Lê Thị Tú Trinh	C17KCD	22/06/1989	Đà Nẵng	3.6	Ba Phẩy Sáu	
72	171322356	Huỳnh Xuân Trường	C17KCD	02/02/1991	Đà Nẵng	4.0	Bốn	
73	171322364	Hoàng Thị Hải Vân	C17KCD	04/08/1990	Quảng Bình	7.3	Bảy Phẩy Ba	
74	171322365	Nguyễn Thị Thanh Vân	C17KCD	25/11/1991	Gia Lai	8.3	Tám Phẩy Ba	
75	171322366	Nguyễn Quang Vinh	C17KCD	04/06/1991	Đà Nẵng	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
76	171322368	Nguyễn Thị Tường Vy	C17KCD	07/09/1991	Quảng Ngãi	7.9	Bảy Phẩy Chín	
77	171322369	Hoàng Ngọc Như Ý	C17KCD	02/10/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy Phẩy Tám	
78	171322370	Nguyễn Thị Hải Yến	C17KCD	25/08/1991	Quảng Bình	7.5	Bảy Phẩy Năm	

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THU KÝ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2013
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

ThS. Nguyễn Ân

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 09/03/2013

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	151325866	Lê Thanh Bảo	K15XCD2	10/03/1990	Đắk Lắk	3.0	Ba	
2	161212246	Hoàng Thái Cơ	C16XCDB	14/05/1990	Quảng Bình	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
3	151214549	Nguyễn Huy Chương	K15XCD2	17/11/1991	Đắk Lắk	5.6	Năm Phẩy Sáu	
4	151214552	Lương Duyên Giang	K15XCD2	18/08/1987	Đắk Lắk	4.3	Bốn Phẩy Ba	
5	151214558	Hoàng Ngọc Hải	K15XCD2	01/06/1991	Quảng Trị	5.0	Năm	
6	161212250	Phan Thanh Hải	C16XCDB	12/04/1988	Quảng Trị	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
7	161212252	Nguyễn Phú Hòa	C16XCDB	12/04/1989	Quảng Ngãi	7.8	Bảy Phẩy Tám	
8	151214532	Huỳnh Châu Thanh Hoàng	K15XCD1	08/10/1991	Quảng Ngãi	3.0	Ba	
9	161212253	Lê Anh Hoàng	C16XCDB	05/10/1987	Nghệ An	7.0	Bảy	
10	161212257	Đình Việt Khuê	C16XCDB	23/07/1990	Huế	6.8	Sáu Phẩy Tám	
11	151215902	Dương Hoài Nam	K15XCD1	12/05/1991	Quảng Trị	7.0	Bảy	
12	161212260	Đình Thị Thủy Nga	C16XCDB	09/03/1989	Quảng Bình	4.5	Bốn Phẩy Năm	
13	151214534	Nguyễn Đắc Trung Nguyên	K15XCD1	05/06/1991	Quảng Nam	2.6	Hai Phẩy Sáu	
14	161212261	Trần Công Nhựt	C16XCDB	13/06/1989	Đà Nẵng	9.1	Chín Phẩy Một	
15	161212262	Hồ Văn Quang	C16XCDB	08/12/1988	Đà Nẵng	8.1	Tám Phẩy Một	
16	161212263	Nguyễn Văn Sơn	C16XCDB	27/08/1990	Quảng Nam	5.6	Năm Phẩy Sáu	
17	161212265	Dương Tiến Sơn	C16XCDB	21/02/1990	Quảng Trị	8.5	Tám Phẩy Năm	
18	161212268	Đào Duy Toàn	C16XCDB	09/06/1989	Quảng Bình	6.3	Sáu Phẩy Ba	
19	151212089	Trịnh Tuấn	K15XCD2	01/04/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu Phẩy Ba	

LẬP BẢNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2013
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

ThS. Nguyễn Ân